

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Kinh tế vi mô
- Mã số học phần: 22001
- Số tín chỉ học phần : 3 tín chỉ
- Thuộc chương trình đào tạo của bậc, ngành: Bậc Đại học Chính quy, VB II, VHVL, LT
- Số tiết học phần:
  - Lên lớp: 45 tiết
  - Sinh viên tự học: 135 giờ
- Học phần tiên quyết:

### 2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

- CO1. Hiểu các vấn đề cơ bản của kinh tế vi mô
- CO2. Hiểu cách thức thị trường hoạt động và các ứng dụng của nó
- CO3. Hiểu cách thức giá cả được hình thành trong các cơ cấu thị trường khác nhau
- CO4. Ứng dụng lý thuyết kinh tế trong các vấn đề thực tế.

### 3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

- Kiến thức:

Chuẩn Đầu Ra Học Phần	Nội dung	Đáp ứng Chuẩn Đầu Ra Chương Trình Đào Tạo
CELO1	Khái niệm cơ bản của kinh tế học vi mô	LO1, LO2
CELO2	Các vấn đề cơ bản của cung cầu và thị trường	
CELO3	Lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng	
CELO4	CELO4. Lý thuyết sản xuất và chi phí	

CELO5	Thị trường cạnh tranh hoàn toàn	
CELO6	Thị trường độc quyền hoàn toàn	
CELO7	Thị trường cạnh tranh độc quyền và độc quyền nhóm	
CELO8	Thị trường các yếu tố sản xuất	

**- Kỹ năng:**

<b>Chuẩn Đầu Ra Học Phần</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đáp ứng Chuẩn Đầu Ra Chương Trình Đào Tạo</b>
CELO9	Xác định đúng các hoạt động kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô	<i>LO4, LO5 LO6, LO7</i>
CELO10	Phân tích được sự thay đổi trong trạng thái cân bằng của thị trường, ứng dụng của độ co giãn, các chính sách của chính phủ	<i>LO8, LO8 LO10</i>
CELO11	Phân tích được sự lựa chọn tối ưu của người tiêu dùng được thực hiện như thế nào trong từng trường hợp cụ thể	
CELO12	Phân tích được hiệu quả sản xuất tối ưu của công ty được thực hiện như thế nào trong từng trường hợp cụ thể, thiết lập được đường đẳng phí	
CELO13	Hiểu các đặc trưng của thị trường cạnh tranh hoàn hảo và công ty cạnh tranh hoàn hảo. Phân tích được hành vi của công ty cạnh tranh trong ngắn	

	hạn như tối đa hóa lợi nhuận, tối thiểu hóa lỗ, ngừng sản xuất	
CELO14	Phân tích được thị trường độc quyền hoàn toàn. Phân tích được hành vi của công ty trong ngắn hạn như tối đa hóa lợi nhuận, tối thiểu hóa lỗ, ngừng sản xuất.	
CELO15	Nắm được thị trường cạnh tranh độc quyền và độc quyền nhóm. Phân tích được hành vi của công ty trong ngắn hạn như tối đa hóa lợi nhuận, tối thiểu hóa lỗ, ngừng sản xuất.	
CELO16	Phân biệt được sự khác biệt giữa thị trường cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, cạnh tranh độc quyền, và độc quyền nhóm.	
CELO17	Kỹ năng làm việc nhóm	
CELO18	Kỹ năng thuyết trình	
CELO19	Kỹ năng tự học	
CELO20	Tư duy phản biện khoa học	

**- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

<b>Chuẩn Đầu Ra Học Phần</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đáp ứng Chuẩn Đầu Ra Chương Trình Đào Tạo</b>
CELO21	Chuẩn bị bài trước khi đến lớp	LO11, LO12
CELO22	Tổng hợp nội dung đã học sau khi kết thúc mỗi chương	LO13, LO14 LO15, LO16
CELO23	Tuân thủ theo các yêu cầu	

	của giảng viên và của nhà trường	
CELO24	Không có hành vi gian dối trong quá trình học như sao chép, đạo văn	

#### 4. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN:

##### 4.1. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học bao gồm những kiến thức kinh tế vi mô cơ bản: kinh tế học vi mô và những vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp; cung cầu và giá cả hàng hóa; hành vi của doanh nghiệp và người tiêu dùng; lý thuyết về các loại hình thị trường và sự lựa chọn tối ưu của doanh nghiệp; và vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường tác động đến hoạt động kinh tế vi mô.

##### 4.2. Nội dung học phần:

STT	Nội dung	Số tiết				TL TH	CĐR	Lưu ý
		TC	L T	BT	T H			
1.	<b>1.Nhập môn về kinh tế học</b> 1.1 Khái niệm về Kinh tế học 1.1.1 Quy luật khan hiếm, sự lựa chọn và chi phí cơ hội. 1.1.2 Kinh tế học là gì? 1.1.3 Kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô. 1.1.4 Kinh tế học thực chứng và kinh tế học chuẩn tắc. 1.2 Ba vấn đề cơ bản của tổ chức kinh tế và các mô hình kinh tế . 1.3 Đường giới hạn khả năng sản xuất. 1.4 Sơ đồ chu chuyển của hoạt động kinh tế	4	2	2		12	CELO1 CELO9 CELO10 CELO18 CELO21 CELO22	
2.	<b>2.Cầu, cung và cân bằng thị trường</b> 2.1 Cầu 2.1.1 Khái niệm 2.1.2 Biểu cầu, hàm số cầu, đường cầu 2.1.3 Quy luật cầu 2.2 Cung 2.2.1 Khái niệm 2.2.2 Biểu cung, hàm số cung, đường cung 2.2.3 Quy luật cung	8	4	4		24	CELO2 CELO11 CELO12 CELO18 CELO21 CELO23	

	<p>2.3 Trạng thái cân bằng của thị trường.</p> <p>2.4 Sự thay đổi của trạng thái cân bằng thị trường</p> <p>2.4.1 Sự thay đổi của cầu và thay đổi của cung</p> <p>2.4.2 Các trường hợp cụ thể của thay đổi trạng thái cân bằng thị trường</p> <p>2.5 Độ co giãn của cầu và độ co giãn của cung</p> <p>2.5.1 Độ co giãn của cầu.</p> <p>* Độ co giãn của cầu theo giá.</p> <p>* Độ co giãn của cầu theo thu nhập.</p> <p>* Độ co giãn chéo của cầu.</p> <p>2.5.2 Độ co giãn của cung</p> <p>2.6 Sự can thiệp của chính phủ vào thị trường (Vận dụng cung cầu)</p> <p>2.6.1 Sự can thiệp trực tiếp của chính phủ: giá trần và giá sàn</p> <p>2.6.2 Sự can thiệp gián tiếp của chính phủ: thuế và trợ cấp.</p>											
3.	<p><b>3.Lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng</b></p> <p>- 3.1 Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng ( hay cân bằng tiêu dùng) dựa vào thuyết hữu dụng</p> <p>3.1.1 Hữu dụng, tổng hữu dụng , hữu dụng biên</p> <p>3.1.2 Quy luật hữu dụng biên giảm dần</p> <p>3.1.3 Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng</p> <p>- 3.2 Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng ( hay cân bằng tiêu dùng) bằng hình học</p> <p>3.2.1 Ba giả thiết cơ bản về sở thích của người tiêu dùng</p> <p>3.2.2 Đường đẳng ích</p> <p>3.2.3. Đường ngân sách</p> <p>3.2.4 Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng</p> <p>- 3.3 Sự hình thành đường cầu thị trường</p> <p>3.3.1 Đường giá cả – tiêu dùng và đường cầu cá nhân</p> <p>3.3.2 Đường cầu thị trường</p> <p>- 3.4 Đường thu nhập – tiêu dùng và đường Engel - Hàng hoá thông thường và hàng cấp thấp</p>	4	2	2		12		CELO3 CELO13 CELO14 CELO18 CELO21 CELO24				
4.	<p><b>4.Lý thuyết sản xuất và chi phí</b></p> <p>- 4.1 . Hàm sản xuất</p> <p>- 4.2 Sản xuất với một đầu vào biến đổi</p> <p>4.2.1 Tổng sản phẩm, năng suất</p>	8	4	4		24		CELO4 CELO15 CELO16 CELO18				

	<p>trung bình và năng suất biên</p> <p>4.2.2 Quy luật năng suất biên giảm dần</p> <p>- 4.3 Sản xuất với hai đầu vào biến đổi</p> <p>4.3.1 Đường đẳng lượng</p> <p>4.3.2 Đường đẳng phí</p> <p>4.3.3 Phối hợp tối ưu các yếu tố sản xuất</p> <p>4.3.4 Vấn đề hiệu suất theo quy mô</p> <p>- 4.4 Chi phí kế toán, Chi phí cơ hội, Chi phí kinh tế, Chi phí hiện, Chi phí ẩn</p> <p>- 4.5 Các chỉ tiêu chi phí ngắn hạn.</p> <p>4.5.1 Các chỉ tiêu chi phí tổng: Tổng chi phí cố định, Tổng chi phí biến đổi và Tổng chi phí</p> <p>4.5.2 Các chỉ tiêu chi phí đơn vị: Chi phí cố định trung bình, Chi phí biến đổi trung bình và Chi phí trung bình.</p> <p>4.5.3 Chi phí biên</p> <p>- 4.6 Các chỉ tiêu chi phí dài hạn.</p> <p>4.6.1 Chi phí trung bình dài hạn</p> <p>4.6.2 Chi phí biên dài hạn.</p> <p>- 4.7 Mối quan hệ giữa chi phí ngắn hạn và chi phí dài hạn</p> <p>- 4.8 Quy mô sản xuất tối ưu.</p>						CELO21 CELO22	
5.	<p><b>5.Thị trường cạnh tranh hoàn toàn</b></p> <p>- 5.1 Các đặc điểm của thị trường cạnh tranh hoàn toàn</p> <p>- 5.2 Phân tích ngắn hạn</p> <p>5.2.1 Đường cầu sản phẩm của doanh nghiệp và tổng doanh thu.</p> <p>5.2.2 Doanh thu biên và giá bán</p> <p>5.2.3 Tối đa hoá lợi nhuận</p> <p>5.2.4 Tối thiểu hoá lỗ</p> <p>5.2.5 Trường hợp hoà vốn</p> <p>5.2.6 Đường cung ngắn hạn của doanh nghiệp</p> <p>5.2.7 Đường cung ngắn hạn của ngành</p> <p>- 5.3 Phân tích dài hạn</p> <p>5.3.1 Tối đa hoá lợi nhuận của doanh nghiệp trong dài hạn.</p> <p>5.3.2 Cân bằng của ngành trong dài hạn</p> <p>5.3.3 Sự thay đổi trạng thái cân bằng và đường cung dài hạn của ngành</p> <p>- 5.4 Hiệu quả của thị trường cạnh tranh hoàn toàn</p>	8	4	4		24	CELO5 CELO16 CELO17 CELO18 CELO22 CELO23	

6.	<p><b>6.Thị trường độc quyền hoàn toàn</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 6.1 Những lý do tồn tại độc quyền.</li> <li>- 6.2 Hoạt động của doanh nghiệp độc quyền <ul style="list-style-type: none"> <li>6.2.1 Đường cầu sản phẩm của doanh nghiệp và Tổng doanh thu.</li> <li>6.2.2 Doanh thu biên và giá bán</li> <li>6.2.3 Quy tắc tối đa hoá lợi nhuận</li> <li>6.2.4 Những mục tiêu ngắn hạn khác của doanh nghiệp</li> <li>6.2.5 Hệ số định giá</li> </ul> </li> <li>- 6.3 Nguyên tắc phân bổ sản lượng khi doanh nghiệp có nhiều cơ sở sản xuất</li> <li>- 6.4 . Nguyên tắc phân bổ số lượng hàng bán của doanh nghiệp trước nhiều thị trường (phân biệt giá cấp 3)</li> <li>- 6.5 Kiểm soát độc quyền <ul style="list-style-type: none"> <li>6.5.1 Đo lường mức độ độc quyền</li> <li>6.5.2 Lý do kiểm soát độc quyền (Tồn thất xã hội do độc quyền)</li> <li>6.5.3 Biện pháp kiểm soát độc quyền của chính phủ</li> </ul> </li> </ul>	4	2	2		12	CELO6 CELO18 CELO20 CELO22 CELO24	
7.	<p><b>7.Thị trường cạnh tranh độc quyền và độc quyền nhóm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 7.1 Thị trường cạnh tranh độc quyền <ul style="list-style-type: none"> <li>7.1.1 Đặc điểm của thị trường cạnh tranh độc quyền.</li> <li>7.1.2 Đường cầu trước doanh nghiệp cạnh tranh độc quyền</li> <li>7.1.3 Mức giá và sản lượng tối đa hoá lợi nhuận của doanh nghiệp cạnh tranh độc quyền</li> <li>7.1.4 Cân bằng dài hạn của doanh nghiệp cạnh tranh độc quyền</li> </ul> </li> <li>- 7.2 Giới thiệu sơ lược về lý thuyết trò chơi. Cân bằng Nash và cân bằng của chiến lược ưu thế.</li> <li>- 7.3 Thị trường độc quyền nhóm <ul style="list-style-type: none"> <li>7.3.1 Mô hình Cournot</li> <li>7.3.2 Mô hình Doanh nghiệp dẫn đạo Stackelberg</li> <li>7.3.3 Mô hình Bertrand</li> <li>7.3.4 Cạnh tranh và cấu kết</li> <li>7.3.5 Cartel OPEC và CIPEC</li> <li>7.3.6 Mô hình đường cầu gãy</li> </ul> </li> </ul>	4	2	2		12	CELO7 CELO18 CELO19 CELO20 CELO21 CELO23	

8.	<b>8.Thị trường các yếu tố sản xuất</b> - 8.1 Thị trường yếu tố sản xuất cạnh tranh 8.1.1 Cầu của doanh nghiệp về một yếu tố sản xuất khi chỉ có một yếu tố sản xuất biến đổi 8.1.2 Cầu của doanh nghiệp về một yếu tố sản xuất khi có nhiều yếu tố sản xuất biến đổi 8.1.3 Đường cầu thị trường 8.1.4 Cung thị trường về các yếu tố sản xuất 8.1.5 Cân bằng trong thị trường yếu tố sản xuất cạnh tranh - 8.2 Thị trường yếu tố sản xuất với sức mạnh độc quyền mua 8.2.1 Chi tiêu biên và chi tiêu trung bình về yếu tố sản xuất 8.2.2 Quyết định của doanh nghiệp về mua yếu tố sản xuất - 8.3 Thị trường yếu tố sản xuất với sức mạnh độc quyền bán 8.3.1 Sức mạnh độc quyền bán 8.3.2 Độc quyền song phương trên thị trường lao động	4	2	2		12	CELO8 CELO19 CELO20 CELO23 CELO24	
9.	<b>Ôn tập - Dự trữ</b> Tổng kết lại nội dung cần nắm Giải quyết được bài tập Làm câu hỏi trắc nghiệm áp dụng	1	1			3		

## 5. NHIỆM VỤ CỦA SINH VIÊN:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết;
  - Thực hiện đầy đủ các bài tập, kỹ năng, thực hành và được đánh giá kết quả thực hiện;
  - Tham dự kiểm tra trên học kỳ;
  - Tham dự thi kết thúc học phần;
  - Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Phần lý thuyết được giảng dạy trên lớp 11 buổi. Những thắc mắc, nếu có, của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian lên lớp, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.

• Phân thảo luận được tổ chức theo nguyên tắc học nhóm, mỗi nhóm tự hình thành và nộp danh sách cho giáo viên vào tuần thứ 2 của chương trình. Nhóm học tập phải hoàn thành những yêu cầu sau:

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học.

+ Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. (Sinh viên phát biểu đúng sẽ được Ban Cán Sự ghi nhận cộng vào điểm chuyên cần)

• Phương pháp giảng dạy ở môn học này là sử dụng bài giảng bằng PowerPoint, nhưng sinh viên phải ghi chép thêm.

• Trong giờ học Sinh viên tuyệt đối không nói chuyện và để điện thoại ở chế độ rung.

## 6. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN:

### 6.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	80% tổng số tiết	10%	CO1, CO2, CO3, CO4
2	Điểm bài tập	80% tổng số bài tập được giao	10%	CO1, CO2, CO3, CO4
3	Điểm kỹ năng - thực hành	80% các kỹ năng và thực hành	10%	CO1, CO2, CO3, CO4
4	Điểm kiểm tra quá trình	Đánh giá qua các tiêu chí (công khai) bao gồm: thông tin về kiến thức trọng tâm, kiến thức sâu, kiến thức mở rộng, ....	10%	CO1, CO2, CO3, CO4
5	Điểm thi kết thúc học phần	Đánh giá qua các tiêu chí (công khai) bao gồm: thông tin về kiến thức trọng tâm, kiến thức sâu, kiến thức mở rộng....	60%	CO1, CO2, CO3, CO4

### 6.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 0.5.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân.

## 7. TÀI LIỆU HỌC TẬP:

### 7.1. Giáo trình chính:

[1] Lê Bảo Lâm (2019). Kinh tế vi mô. Nhà xuất bản kinh tế TpHCM.

[2] Bài giảng của giảng viên.

### 7.2. Tài liệu tham khảo:

[3] David Begg, Stanley Fischer và Rudiger Dornbusch (2007). Kinh tế học. Tái bản lần thứ tám của Nhà xuất bản Mc Graw Hill, bản dịch tiếng Việt của Nhà xuất bản Thống kê.

[4] Damian Ward, David Begg (2007). Bài tập kinh tế học. Tái bản lần thứ tám của Nhà xuất bản Mc Graw Hill, bản dịch tiếng Việt của Nhà xuất bản Thống kê.

[5] Robert C. Guell (2009). Kinh tế vi mô. NXB Đồng Nai.

[6] Robert S. Pindyck - Daniel L. Rubinfeld (2015). Kinh tế học vi mô. Nhà xuất bản: Kinh Tế TP. HCM.

[7] Nguyễn Văn Luân (2001). Kinh tế học đại cương. NXB Đại học quốc gia Tp.HCM.

### 7.3. Tài liệu trực tuyến:

- Khoa Cơ bản - Trường đại học Phan Thiết <http://fbs.upt.edu.vn/>

## 8. TỔ CHỨC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP:

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

## 9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Buổi /Tiết	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên	Tài liệu/ Giáo trình		Ghi chú (nội dung tự học)
				Chính	Tham khảo	
1 (4 tiết)	<b>Chương 1: Nhập môn về kinh tế học</b> 1.1 Khái niệm về Kinh tế học 1.1.1 Quy luật khan hiếm, sự lựa chọn và chi phí cơ hội.	Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi	Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức	[1] [2]	[3] [4] [5] [6] [7]	

	<p>1.1.2 Kinh tế học là gì?</p> <p>1.1.3 Kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô.</p> <p>1.1.4 Kinh tế học thực chứng và kinh tế học chuẩn tắc.</p> <p>1.2 Ba vấn đề cơ bản của tổ chức kinh tế và các mô hình kinh tế.</p> <p>1.3 Đường giới hạn khả năng sản xuất.</p> <p>1.4 Sơ đồ chu chuyển của hoạt động kinh tế</p>	<p>gợi ý)</p> <p>Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng</p>	<p>và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập</p> <p>Ghi chú</p> <p>Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại)</p>			
2 (5 tiết)	<p>Chương 2: Cầu, cung và cân bằng thị trường</p> <p>2.1 Cầu</p> <p>2.1.1 Khái niệm</p> <p>2.1.2 Biểu cầu, hàm số cầu, đường cầu</p> <p>2.1.3 Quy luật cầu</p> <p>2.2 Cung</p> <p>2.2.1 Khái niệm</p> <p>2.2.2 Biểu cung, hàm số cung, đường cung</p> <p>2.2.3 Quy luật cung</p> <p>2.3 Trạng thái cân bằng của thị trường.</p> <p>2.4 Sự thay đổi của trạng thái cân bằng thị trường</p> <p>2.4.1 Sự thay đổi của cầu và thay đổi của cung</p> <p>2.4.2 Các trường hợp cụ thể của thay đổi trạng thái cân bằng thị trường</p>	<p>Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)</p> <p>Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng</p>	<p>Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập</p> <p>Ghi chú</p> <p>Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại)</p>	[1] [2]	[3] [4] [5] [6] [7]	
3 (4 tiết)	<p>Chương 2: Cầu, cung và cân bằng thị trường (tt)</p> <p>2.5 Độ co giãn của cầu và độ co giãn của cung</p> <p>2.5.1 Độ co giãn của cầu.</p> <p>* Độ co giãn của cầu theo giá.</p> <p>* Độ co giãn của cầu theo thu nhập.</p> <p>* Độ co giãn chéo của cầu.</p> <p>2.5.2 Độ co giãn của cung</p> <p>2.6 Sự can thiệp của chính phủ vào thị trường (Vận dụng cung cầu)</p> <p>2.6.1 Sự can thiệp trực tiếp của chính phủ: giá trần và giá sàn</p> <p>2.6.2 Sự can thiệp gián tiếp của chính phủ: thuế và trợ cấp.</p>	<p>Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)</p> <p>Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng</p>	<p>Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập</p> <p>Ghi chú</p> <p>Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại)</p>	[1] [2]	[3] [4] [5] [6] [7]	
4 (4 tiết)	<p><b>Chương 3: Lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng</b></p> <p>3.1 Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng (hay cân bằng tiêu dùng) dựa vào thuyết hữu dụng</p> <p>3.1.1 Hữu dụng, tổng hữu dụng, hữu dụng biên</p>	<p>Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)</p> <p>Minh họa</p>	<p>Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng</p>	[1] [2]	[3] [4] [5] [6] [7]	

	<p>3.1.2 Quy luật hữu dụng biên giảm dần</p> <p>3.1.3 Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng</p> <p>3.2 Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng (hay cân bằng tiêu dùng) bằng hình học</p> <p>3.2.1 Ba giả thiết cơ bản về sở thích của người tiêu dùng</p> <p>3.2.2 Đường đẳng ích</p> <p>3.2.3. Đường ngân sách</p> <p>3.2.4 Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng</p> <p>3.3 Sự hình thành đường cầu thị trường</p> <p>3.3.1 Đường giá cả – tiêu dùng và đường cầu cá nhân</p> <p>3.3.2 Đường cầu thị trường</p> <p>3.4 Đường thu nhập – tiêu dùng và đường Engel - Hàng hoá thông thường và hàng cấp thấp</p>	qua giải bài tập, giải thích trên bảng	qua các bài tập Ghi chú Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại)			
5 (4 tiết)	<p><b>Chương 4: Lý thuyết sản xuất và chi phí</b></p> <p>4.1 . Hàm sản xuất</p> <p>4.2 Sản xuất với một đầu vào biến đổi</p> <p>4.2.1 Tổng sản phẩm, năng suất trung bình và năng suất biên</p> <p>4.2.2 Quy luật năng suất biên giảm dần</p> <p>- 4.3 Sản xuất với hai đầu vào biến đổi</p> <p>4.3.1 Đường đẳng lượng</p> <p>4.3.2 Đường đẳng phí</p> <p>4.3.3 Phối hợp tối ưu các yếu tố sản xuất</p> <p>4.3.4 Vấn đề hiệu suất theo quy mô</p> <p>4.4 Chi phí kế toán, Chi phí cơ hội, Chi phí kinh tế, Chi phí hiện, Chi phí ẩn</p>	Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng	Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập Ghi chú Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại)	[1] [2]	[3] [4] [5] [6] [7]	
6 (4 tiết)	<p><b>Chương 4: Lý thuyết sản xuất và chi phí (tt)</b></p> <p>4.5 Các chỉ tiêu chi phí ngắn hạn.</p> <p>4.5.1 Các chỉ tiêu chi phí tổng: Tổng chi phí cố định, Tổng chi phí biến đổi và Tổng chi phí</p> <p>4.5.2 Các chỉ tiêu chi phí đơn vị: Chi phí cố định trung bình, Chi phí biến đổi trung bình và Chi phí trung bình.</p> <p>4.5.3 Chi phí biên</p> <p>4.6 Các chỉ tiêu chi phí dài hạn.</p> <p>4.6.1 Chi phí trung bình dài hạn</p> <p>4.6.2 Chi phí biên dài hạn.</p>	Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng	Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập Ghi chú Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại)	[1] [2]	[3] [4] [5] [6] [7]	

	quyền của chính phủ					
<b>10</b> <b>(4</b> <b>tiết)</b>	<b>Chương 7: Thị trường Cạnh tranh độc quyền và Độc quyền nhóm</b> 7.1 Thị trường cạnh tranh độc quyền 7.1.1 Đặc điểm của thị trường cạnh tranh độc quyền. 7.1.2 Đường cầu trước doanh nghiệp cạnh tranh độc quyền 7.1.3 Mức giá và sản lượng tối đa hoá lợi nhuận của doanh nghiệp cạnh tranh độc quyền 7.1.4 Cân bằng dài hạn của doanh nghiệp cạnh tranh độc quyền 7.2 Giới thiệu sơ lược về lý thuyết trò chơi. Cân bằng Nash và cân bằng của chiến lược ưu thế. 7.3 Thị trường độc quyền nhóm 7.3.1 Mô hình Cournot 7.3.2 Mô hình Doanh nghiệp dẫn đạo Stackelberg 7.3.3 Mô hình Bertrand 7.3.4 Cạnh tranh và cấu kết 7.3.5 Cartel OPEC và CIPEC 7.3.6 Mô hình đường cầu gãy	Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng	Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập Ghi chú Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại)	[1] [2]	[3] [4] [5] [6] [7]	
<b>11</b> <b>(4</b> <b>tiết)</b>	<b>Chương 8: Thị trường các yếu tố sản xuất</b> 8.1 Thị trường yếu tố sản xuất cạnh tranh 8.1.1 Cầu của doanh nghiệp về một yếu tố sản xuất khi chỉ có một yếu tố sản xuất biến đổi 8.1.2 Cầu của doanh nghiệp về một yếu tố sản xuất khi có nhiều yếu tố sản xuất biến đổi 8.1.3 Đường cầu thị trường 8.1.4 Cung thị trường về các yếu tố sản xuất 8.1.5 Cân bằng trong thị trường yếu tố sản xuất cạnh tranh 8.2 Thị trường yếu tố sản xuất với sức mạnh độc quyền mua 8.2.1 Chi tiêu biên và chi tiêu trung bình về yếu tố sản xuất 8.2.2 Quyết định của doanh nghiệp về mua yếu tố sản xuất 8.3 Thị trường yếu tố sản xuất với sức mạnh độc quyền bán 8.3.1 Sức mạnh độc quyền bán 8.3.2 Độc quyền song phương trên thị trường lao động	Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng	Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập Ghi chú Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại)	[1] [2]	[3] [4] [5] [6] [7]	
<b>11</b> <b>(1</b> <b>tiết)</b>	<b>Ôn tập - Dự trữ</b> Tổng kết lại nội dung cần nắm Giải quyết được bài tập					

Làm câu hỏi trắc nghiệm áp dụng					
---------------------------------	--	--	--	--	--

**10. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:**

- **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
- **Hình thức thi:** bài thi dài 75 phút hình thức trắc nghiệm và tự luận (không được sử dụng tài liệu)

**11. DỰ KIẾN DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY**

1. PGS. TS. Đinh Phi Hồ
2. ThS. Nguyễn Ngọc Hoa Kỳ
3. ThS. Lê Anh Linh

**12. THÔNG TIN LIÊN HỆ**

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Cơ bản
- Giảng viên phụ trách: ThS. Lê Anh Linh
- Email: [lalinh@upt.edu.vn](mailto:lalinh@upt.edu.vn)
- Điện thoại: 0938 734 350



**Trưởng khoa**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

ThS. Lê Anh Linh

Ngày 20 tháng 09 Năm 2019.

**Người biên soạn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

ThS. Lê Anh Linh